

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

3.01
CÔNG
KIẾ
P.A V
-CH
TP. HỒ
CHỈ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gạch ngói Đồng Nai theo Quyết định số 2313/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Gạch ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 thành công ty cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0300397028, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ sáu ngày 03 tháng 1 năm 2019 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: DONG NAI BRICK AND TILE CORPORATION, tên viết tắt là: TUILDONAI CORP.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 119 - Điện Biên Phủ - Phường ĐaKao - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Hoàng	Chủ tịch
	Bà Bùi Thị Chiêm	Thành viên
	Ông Võ Đình Thanh Thuyền	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Quang Tuyền	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật vật tư
	Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch tổng hợp
	Ông Hoàng Hữu Thăng	Phó Tổng Giám đốc Hành chính nhân sự

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Dũng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Số: 91/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai, được lập ngày 16 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Minh Anh

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số 05/2020/UQCN-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Ngô Thị Hồng Phương

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3621-2016-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		243.922.708.494	198.339.607.194
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	152.712.107.310	96.170.426.976
1. Tiền	111		47.189.393.091	63.729.551.402
2. Các khoản tương đương tiền	112		105.522.714.219	32.440.875.574
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.078.338.553	36.780.981.229
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.980.097.950	29.728.797.372
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.964.309.233	3.411.861.998
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	354.502.737	6.309.525.284
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(2.220.571.367)	(2.669.203.425)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	81.786.878.185	64.585.167.916
1. Hàng tồn kho	141		95.040.115.538	72.444.892.672
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.253.237.353)	(7.859.724.756)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		345.384.446	803.031.073
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		345.384.446	353.848.751
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	-	449.182.322
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		113.191.418.024	108.298.959.107
I Các khoản phải thu dài hạn	210		1.294.495.885	1.121.580.581
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	1.294.495.885	1.121.580.581
II Tài sản cố định	220		36.059.478.942	91.291.597.719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	36.059.478.942	91.291.597.719
- Nguyên giá	222		317.512.715.865	394.988.873.979
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(281.453.236.923)	(303.697.276.260)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		104.103.860	104.103.860
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(104.103.860)	(104.103.860)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.8	5.388.390.887	5.885.780.807
1. Nguyên giá	231		12.207.837.490	12.207.837.490
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.819.446.603)	(6.322.056.683)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.239.600.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	4.239.600.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.10	10.000.000.000	10.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		56.209.452.310	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	56.209.452.310	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		357.114.126.518	306.638.566.301

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		95.563.799.876	81.693.357.620
I- Nợ ngắn hạn	310		93.808.911.565	79.938.469.309
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	22.219.654.364	16.554.171.986
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.071.322.795	986.970.803
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	6.104.988.206	4.501.246.790
4. Phải trả người lao động	314		19.438.564.104	14.677.069.993
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	2.272.509.007	2.285.183.109
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	9.034.175.718	8.960.475.244
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	17.801.225.550	18.237.393.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		15.866.471.821	13.735.958.384
II- Nợ dài hạn	330		1.754.888.311	1.754.888.311
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.754.888.311	1.754.888.311
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		261.550.326.642	224.945.208.681
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	261.550.326.642	224.945.208.681
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.305.148.444	8.305.148.444
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		106.484.738.147	53.373.613.283
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.760.440.051	73.266.446.954
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		12.260.085.335	12.744.544.786
- LNST chưa phân phối kì này	421b		44.500.354.716	60.521.902.168
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		357.114.126.518	306.638.566.301

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Người lập



Bùi Thanh Trà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02-DN

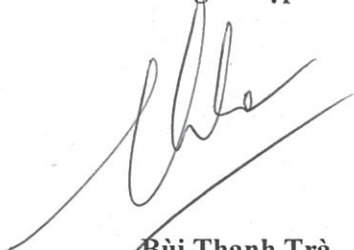
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	359.902.131.588	365.850.971.040
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	359.902.131.588	365.850.971.040
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	279.501.358.877	278.317.597.879
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		80.400.772.711	87.533.373.161
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	5.073.362.970	2.195.040.340
7. Chi phí tài chính	22	5.21	1.139.847.917	1.028.464.880
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>851.611.090</i>	<i>998.820.042</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.22	15.245.079.660	16.414.313.775
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	26.286.854.169	27.518.760.732
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		42.802.353.935	44.766.874.114
11. Thu nhập khác	31	5.24	121.131.491	38.947.907.099
12. Chi phí khác	32	5.24	-	54.334.070
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		121.131.491	38.893.573.029
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		42.923.485.426	83.660.447.143
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	8.792.390.973	16.732.411.318
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		34.131.094.453	66.928.035.825

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Người lập



Bùi Thanh Trà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm

Tổng Giám đốc




Nguyễn Đức Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.923.485.426	83.660.447.143
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	32.174.758.335	39.437.802.274
- Các khoản dự phòng	03	4.944.880.539	3.715.387.042
- Lỗ/ (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	211.460.923	(439.790.295)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.197.887.210)	(45.841.922.111)
- Chi phí lãi vay	06	851.611.090	998.820.042
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	66.908.309.103	81.530.744.095
- Biến động các khoản phải thu	09	28.436.006.057	14.525.090.023
- Biến động hàng tồn kho	10	(22.595.222.866)	(19.799.687.738)
- Biến động các khoản phải trả	11	(7.816.598.504)	(55.236.216.483)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	27.171.500.238	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(851.611.090)	(1.056.117.022)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.616.245.417)	(17.582.587.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.750.837.102)	(3.369.508.657)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	67.885.300.419	(988.282.782)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.854.391.952)	(20.321.518.776)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	73.826.852.196
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.197.887.210	7.027.136.212
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.343.495.258	60.532.469.632
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu của CSH	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	105.909.179.154	107.163.908.504
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(106.345.346.604)	(105.299.054.398)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.028.812.500)	(14.952.778.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.464.979.950)	(13.087.924.844)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	56.763.815.727	46.456.262.006
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	96.170.426.976	49.246.978.318
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	(222.135.393)	467.186.652
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	152.712.107.310	96.170.426.976

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 1.090.670.000 VND, là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Người lập



Bùi Thanh Trà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Dũng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gạch ngói Đồng Nai theo Quyết định số 2313/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Gạch ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 thành công ty cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0300397028, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ sáu ngày 03 tháng 1 năm 2019 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng).

Tên tiếng nước ngoài: DONG NAI BRICK AND TILE CORPORATION

Trụ sở chính Công ty tại: Số 119 - Điện Biên Phủ - Phường ĐaKao - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2019 là 607 người (tại ngày 31/12/2018 là: 617 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công nghiệp sản xuất gạch ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng; Khai thác, chế biến khoáng sản; Đầu tư kinh doanh nhà và đô thị, văn phòng, căn hộ cao cấp, khu công nghiệp và khu dân cư; Môi giới bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng và khu công nghiệp; Trang trí nội ngoại thất công trình; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, vật tư máy móc trong lĩnh vực vật liệu xây dựng; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán thiết bị văn phòng, đồ gỗ, kim khí điện máy; Quảng cáo thương mại; Mua bán hàng tiêu dùng; thực phẩm, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), xe ô tô, xe gắn máy, phụ tùng xe gắn máy; Tư vấn và chuyên giao công nghệ sản xuất gốm thô; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán).

Trong năm hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại gạch ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng, cho thuê văn phòng và dịch vụ vận tải./.

1.3 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có đầu tư vào công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Đầu tư vào công ty con			
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Kinh doanh gạch ngói	100%	100%
Các đơn vị trực thuộc			
Nhà máy Gạch Ngói Đồng Nai 2	Sản xuất gạch ngói		
Nhà máy Gạch Ngói Việt Đức	Sản xuất gạch ngói		
Nhà Máy Khai Thác & Chế Biến Khoáng Sản	Khai thác mỏ sét		

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31/12/2019.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31/12/2019.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2019	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	23.110 VND/USD	23.230 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chínhCác khoản đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	08 - 25
Máy móc, thiết bị khác	03 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	06 - 08

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán đã khấu hao hết.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm giá trị xây dựng (không bao gồm nội thất và thang máy) của tòa nhà Văn phòng tại Số 119 Điện Biên Phủ, phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh được sử dụng cho mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn là quyền sử dụng đất có thời hạn, được phân bổ theo thời hạn cấp phép khai thác khoáng sản:

Giai đoạn 1: UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (sét gạch ngói) số 87/GP-UBND ngày 11/09/2009 với diện tích 88.753 m² (gồm 03 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 934370, AP 934371, AP 934372 ngày 09/11/2009). Thời gian khai thác là 20 năm kể từ tháng 11/2009. Phương thức: Nhà nước giao đất trả tiền hàng năm.

Giai đoạn 2: UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (sét gạch ngói) số 42/GP-UBND ngày 13/11/2014 thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản số 87/GP-UBND ngày 11/09/2009 với diện tích 27ha (gồm 06 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CK 047267, CK 047268, CK 047270, CK 047271, CK 047278, CK 047280, CK 047280 ngày 17/07/2017). Thời gian khai thác là 08 năm 10 tháng kể từ tháng 11/2014. Phương thức: Nhà nước giao đất trả tiền hàng năm, thời gian sử dụng đất đến ngày 13/09/2023.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	97.244.230	339.307.637
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.092.148.861	63.390.243.765
Tương đương tiền	105.522.714.219	32.440.875.574
Cộng	152.712.107.310	96.170.426.976

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	8.980.097.950	29.728.797.372
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuildonai	4.088.831.760	6.908.370.059
Mao Kim Sean Depot	2.191.174.650	6.831.597.641
Phải thu các khách hàng còn lại	2.700.091.540	15.988.829.672
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	4.088.831.760	6.908.370.059
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuildonai	4.088.831.760	6.908.370.059
Cộng	8.980.097.950	29.728.797.372

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	29.903.801.683	159.738.290.716	15.917.430.438	1.842.321.182	187.587.029.960	394.988.873.979
Tăng trong năm	-	6.197.887.092	2.017.636.286	-	290.000.000	8.505.523.378
Mua trong năm	-	4.907.660.959	1.442.554.545	-	290.000.000	6.640.215.504
Tăng khác	-	-	575.081.741	-	-	575.081.741
Phân loại lại	-	1.290.226.133	-	-	-	1.290.226.133
Giảm trong năm						
Giảm khác (*)	-	-	1.310.502.811	-	84.671.178.681	85.981.681.492
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	83.380.952.548	83.380.952.548
Phân loại lại	-	-	1.310.502.811	-	-	1.310.502.811
Số dư tại 31/12/2019	29.903.801.683	165.936.177.808	16.624.563.913	1.842.321.182	103.205.851.279	317.512.715.865
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2019	22.808.025.155	127.097.398.336	9.233.701.597	1.820.564.946	142.737.586.226	303.697.276.260
Tăng trong năm	1.209.278.892	15.932.692.059	2.176.278.944	21.756.236	13.326.391.589	32.666.397.720
Khấu hao trong năm	1.209.278.892	15.518.744.495	1.601.197.203	21.756.236	13.326.391.589	31.677.368.415
Tăng khác	-	-	575.081.741	-	-	575.081.741
Phân loại lại	-	413.947.564	-	-	-	413.947.564
Giảm trong năm						
Thanh lý nhượng bán	-	-	1.310.502.811	-	53.599.934.246	54.910.437.057
Giảm khác (*)	-	-	1.310.502.811	-	-	1.310.502.811
Phân loại lại	-	-	-	-	53.185.986.682	53.185.986.682
Số dư tại 31/12/2019	24.017.304.047	143.030.090.395	10.099.477.730	1.842.321.182	102.464.043.569	281.453.236.923
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2019	7.095.776.528	32.640.892.380	6.683.728.841	21.756.236	44.849.443.734	91.291.597.719
Tại ngày 31/12/2019	5.886.497.636	22.906.087.413	6.525.086.183	-	741.807.710	36.059.478.942

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐÔNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

(*) Giảm khác là quyền sử dụng đất có thời hạn được nhà nước giao đất trả tiền thuê đất hàng năm, thời hạn sử dụng đất đến ngày 13/09/2023 được chuyển sang chi phí trả trước dài hạn theo dõi.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 với giá trị là 254.690.636.920 đồng (tại 31/12/2018 với giá trị là 59.626.460.740 đồng)

5.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán với nguyên giá 104.000.000 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

5.8 Bất động sản đầu tưĐơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	12.207.837.490	-	-	12.207.837.490
- Nhà và quyền sử dụng đất	12.207.837.490	-	-	12.207.837.490
Giá trị hao mòn lũy kế	6.322.056.683	497.389.920	-	6.819.446.603
- Nhà và quyền sử dụng đất	6.322.056.683	497.389.920	-	6.819.446.603
Giá trị còn lại	5.885.780.807	-	497.389.920	5.388.390.887
- Nhà và quyền sử dụng đất	5.885.780.807	-	497.389.920	5.388.390.887

Bất động sản đầu tư là giá trị tòa nhà Văn phòng tại Số 119 Điện Biên Phủ, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (không bao gồm giá trị nội thất và giá trị thang máy). Tòa nhà này sử dụng đồng thời làm văn phòng của Công ty và cho mục đích thuê. Tuy nhiên, diện tích phần lớn là cho thuê nên Công ty theo dõi toàn bộ trên giá trị tài sản Bất động sản đầu tư và được khấu hao trong thời gian 25 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐÔNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.239.600.000	4.239.600.000	-	-
Xí nghiệp Mô sét số 6	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Mua sắm tài sản cố định	3.239.600.000	3.239.600.000	-	-
Cộng	4.239.600.000	4.239.600.000	-	-

5.10 Đầu tư vào công ty con

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2019		01/01/2019		Dự phòng
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý	
Đầu tư vào Công ty con			10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	100%	100%	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác			-	-	-	-	-
Cộng			10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-

Đơn vị tính: VND

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Đầu tư vào Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	119 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt (gạch, ngói,...)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐÔNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quyền sử dụng đất có thời hạn	56.209.452.310	
Cộng	56.209.452.310	-

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngân hạn	22.219.654.364	22.219.654.364	16.554.171.986	16.554.171.986
Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2- TNHH MTV	2.403.401.000	2.403.401.000	2.608.760.000	2.608.760.000
Công ty TNHH Phương Thảo	4.832.423.707	4.832.423.707	-	-
Công ty TNHH BEHN MEYER Việt Nam	5.141.018.960	5.141.018.960	2.165.136.600	2.165.136.600
Doanh nghiệp tư nhân Cao Kim Long	94.934.400	94.934.400	1.005.488.000	1.005.488.000
Công ty TNHH TM xăng dầu Trung Anh	3.120.543.647	3.120.543.647	3.567.901.157	3.567.901.157
Cty TNHH MTV TM Tuilidonai	1.370.765.785	1.370.765.785	1.849.817.580	1.849.817.580
Phải trả người bán khác	5.256.566.865	5.256.566.865	5.357.068.649	5.357.068.649
b) Dài hạn	-	-	-	-
<i>Trong đó giao dịch các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuilidonai	1.370.765.785	1.370.765.785	1.849.817.580	1.849.817.580
Cộng	22.219.654.364	22.219.654.364	16.554.171.986	16.554.171.986

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐÔNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2019 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019 (VND)
Phải nộp	4.501.246.790	34.424.465.687	32.820.724.272	6.104.988.205
Thuế GTGT	1.137.040.215	11.381.954.258	11.434.612.030	1.084.382.443
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.973.923.239	15.300.909.563	14.124.764.008	3.150.068.794
Thuế thu nhập cá nhân	870.812.056	3.181.024.404	2.572.184.642	1.479.651.818
Thuế đất	-	1.695.649.567	1.695.649.567	-
Thuế tài nguyên	462.895.200	2.538.950.400	2.653.532.100	348.313.500
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	56.576.080	325.977.495	339.981.925	42.571.650
Phải thu	449.182.322	2.335.057.063	1.885.874.741	-
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	400.000.000	400.000.000	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	39.728.254	1.686.290.958	1.646.562.704	-
Thuế xuất nhập khẩu	9.454.068	248.766.105	239.312.037	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.272.509.007	2.285.183.109
Trích trước tiền thuê đất	1.162.979.522	1.162.979.522
Trích trước chi phí vận chuyển	256.334.071	73.529.701
Trích trước chi phí khác	853.195.414	1.048.673.886
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.272.509.007	2.285.183.109

5.15 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	9.034.175.718	8.960.475.244
Kinh phí công đoàn	375.101.216	366.412.372
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	268.723.234	238.837.602
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.967.699.209	7.024.330.711
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	942.432.000	871.244.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	480.220.059	459.650.059
b) Dài hạn	1.754.888.311	1.754.888.311
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.754.888.311	1.754.888.311
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	10.789.064.029	10.715.363.555

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Mua bán Nợ - Bộ tài chính	287.125.970	287.125.970
Phải trả khác	193.094.089	172.524.089
Cộng	480.220.059	459.650.059

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17.801.225.550	17.801.225.550	105.909.179.154	106.345.346.604	18.237.393.000	18.237.393.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu	15.698.828.754	15.698.828.754	100.906.892.866	100.580.042.709	15.371.978.597	15.371.978.597
Vay ngắn hạn khác từ cá nhân	2.102.396.796	2.102.396.796	5.002.286.288	5.765.303.895	2.865.414.403	2.865.414.403
- Cán bộ công nhân viên	2.102.396.796	2.102.396.796	5.002.286.288	5.765.303.895	2.865.414.403	2.865.414.403
Cộng	17.801.225.550	17.801.225.550	105.909.179.154	106.345.346.604	18.237.393.000	18.237.393.000

Vay ngắn hạn Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/93267/HĐTD ngày 01 tháng 04 năm 2019

Số tiền được vay	Dư nợ tối đa với số tiền 70.000.000.000 đồng.
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
Lãi suất vay	Điều chỉnh theo từng lần nhận nợ
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2019	15.698.828.754 đồng

Vay ngắn hạn của các cá nhân khác

Bên cho vay	Cán bộ công nhân viên
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động
Thời hạn vay	12 tháng
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2019	2.102.396.796 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	90.000.000.000	8.305.148.444	32.268.945.979	43.204.913.882	173.779.008.305
Tăng trong năm	-	-	21.104.667.304	72.435.128.033	93.539.795.337
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	66.928.035.825	66.928.035.825
Phân phối lợi nhuận	-	-	21.104.667.304	-	21.104.667.304
Thu lợi nhuận từ Công ty con	-	-	-	5.507.092.208	5.507.092.208
Giảm trong năm	-	-	-	42.373.594.961	42.373.594.961
Trích quỹ các đầu tư phát triển	-	-	-	21.104.667.304	21.104.667.304
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	6.340.119.000	6.340.119.000
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	8.100.000.000	8.100.000.000
Tạm chia cổ tức năm 2018	-	-	-	6.300.000.000	6.300.000.000
Chi tiền khen thưởng HĐQT & BKS	-	-	-	422.675.000	422.675.000
Nộp phạt hành chính	-	-	-	106.133.657	106.133.657
Số dư tại 31/12/2018	90.000.000.000	8.305.148.444	53.373.613.283	73.266.446.954	224.945.208.681

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	90.000.000.000	8.305.148.444	53.373.613.283	73.266.446.954	224.945.208.681
Tăng trong năm	-	-	53.111.124.864	71.586.468.500	124.697.593.364
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	34.131.094.453	34.131.094.453
Phân phối lợi nhuận	-	-	53.111.124.864	-	53.111.124.864
Điều chỉnh chi phí khấu hao từ 2009-2018 (**)	-	-	-	27.766.185.008	27.766.185.008
Thu lợi nhuận từ Công ty con	-	-	-	9.689.189.039	9.689.189.039
Giảm trong năm	-	-	-	88.092.475.403	88.092.475.403
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	53.111.124.864	53.111.124.864
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	6.743.366.343	6.743.366.343
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	9.900.000.000	9.900.000.000
Tạm chia cổ tức năm 2019	-	-	-	7.200.000.000	7.200.000.000
Chi tiền khen thưởng HĐQT & BKS	-	-	-	456.600.000	456.600.000
Chi khen thưởng Công ty con	-	-	-	484.459.451	484.459.451
Truy thu thuế (**)	-	-	-	10.175.388.120	10.175.388.120
Phạt hành chính khác	-	-	-	21.536.625	21.536.625
Số dư tại 31/12/2019	90.000.000.000	8.305.148.444	106.484.738.147	56.760.440.051	261.550.326.642

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên số 25-2019/NQ-ĐHCD ngày 24 tháng 05 năm 2019.

(**) Đây là khoản điều chỉnh chi phí khấu hao của đất mỏ Xí nghiệp 6 từ năm 2009 – 2018, chuyển từ khấu hao theo sản lượng sang khấu hao theo thời gian cấp quyền khai thác theo Kết luận thanh tra thuế số 438 ngày 12 tháng 08 năm 2019 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
1. Công ty TNHH Xây dựng An Cư	4.000.000.000	4.000.000.000
2. Các cổ đông khác	86.000.000.000	86.000.000.000
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	90.000.000.000	90.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.200.000.000	6.300.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	106.484.738.147	53.373.613.283
Cộng	106.484.738.147	53.373.613.283

5.18 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Doanh thu	359.902.131.588	365.850.971.040
Doanh thu bán hàng	348.258.494.628	355.180.021.759
Doanh thu bất động sản đầu tư	11.643.636.960	10.670.949.281
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan	285.349.247.580	277.832.691.338
Công ty TNHH MTV Thương mại Tuilidonai	285.349.247.580	277.832.691.338
Cộng	359.902.131.588	365.850.971.040

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	269.857.167.519	270.872.442.028
Giá vốn cho thuê văn phòng	4.250.678.761	4.417.256.248
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.393.512.597	3.027.899.603
Cộng	279.501.358.877	278.317.597.879

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	4.508.698.171	1.520.044.004
Lãi chênh lệch tỷ giá	564.664.799	674.996.336
Cộng	5.073.362.970	2.195.040.340

5.21 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	851.611.090	998.820.042
Lỗ chênh lệch tỷ giá	288.236.827	29.644.838
Cộng	1.139.847.917	1.028.464.880

5.22 Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	2.884.309.770	3.486.278.517
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	7.008.268.869	8.291.259.672
Chi phí bảo hành sản phẩm	154.456.374	166.392.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.245.458.414	1.342.990.409
Chi phí bằng tiền khác	2.952.586.233	3.127.392.806
Cộng	15.245.079.660	16.414.313.775

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.621.465.737	8.494.418.050
Chi phí vật liệu quản lý	569.431.238	243.514.719
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.170.136.800	741.316.256
Thuế phí và lệ phí	5.565.434.877	9.295.820.661
Chi phí dự phòng	-74.437.333	687.487.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.230.313.713	1.154.992.007
Chi phí bằng tiền khác	7.204.509.137	6.901.211.600
Cộng	26.286.854.169	27.518.760.732

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.24 Lợi nhuận khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	122.727.273
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	-	38.692.058.626
Phí môi giới	-	88.760.000
Các khoản khác	121.131.491	44.361.200
Cộng	121.131.491	38.947.907.099
Chi phí khác		
Các khoản phạt	-	54.334.036
Các khoản khác	-	34
Cộng	-	54.334.070
Thu nhập khác thuần	121.131.491	38.893.573.029

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.923.485.426	83.660.447.143
2. Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	1.038.469.435	468.796.096
Thù lao của hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	259.350.000	64.800.000
Chi phí khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ	556.984.042	322.265.703
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục phải tiền, thu khách hàng	222.135.393	27.396.357
Các khoản phạt	-	54.334.036
3. Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	467.186.652
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục phải	-	467.186.652
Chi phí khấu hao đất mỏ các năm trước (*)	-	-
4. Thu nhập chịu thuế	43.961.954.861	83.662.056.587
5. Thu nhập tính thuế	43.961.954.861	83.662.056.587
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
6. Thuế TNDN hiện hành	8.792.390.973	16.732.411.318
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	-
6. Tổng thuế TNDN hiện hành	8.792.390.973	16.732.411.318

5.26 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.064.112.158	142.650.925.970
Chi phí nhân công	97.302.589.525	91.721.218.115
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.249.202.796	39.437.802.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.594.502.327	22.335.094.052
Chi phí khác bằng tiền	20.808.977.978	26.952.113.246
Cộng	329.019.384.784	323.097.153.657

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐÔNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6 THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	8.560.441.090	4.369.452.767

b. Giao dịch các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
---------------	-------------	---------------------	-----------------	-----------------

Giao dịch bán

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Công ty con	Bán thành phẩm	284.171.752.261	277.243.826.832
		Cho thuê văn phòng	1.075.200.000	537.600.000
		Tiền điện phải thu	102.295.319	51.264.506

Giao dịch mua

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Công ty con	Mua vật liệu xây dựng	1.246.150.718	1.681.652.347
--	-------------	-----------------------	---------------	---------------

c. Số dư phải trả và phải trả khác với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại TUILDONAI	Công ty con	Bán hàng cho công ty con	4.088.831.760	6.908.370.059
		Mua nguyên vật liệu của công ty con	1.370.765.785	1.849.817.580
		Nhận ký quỹ	5.400.000.000	5.400.000.000
		Người trả tiền trước	84.379.890	-

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.712.107.310	96.170.426.976
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.059.995.100	28.261.941.207
Cộng	160.772.102.410	124.432.368.183
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	17.801.225.550	18.237.393.000
Phải trả người bán và phải trả khác	33.008.718.393	27.269.535.541
Chi phí phải trả	2.272.509.007	2.285.183.109
Cộng	53.082.452.950	47.792.111.650

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	31.253.830.082	1.754.888.311	33.008.718.393
Chi phí phải trả	2.272.509.007	-	2.272.509.007
Các khoản vay	17.801.225.550	-	17.801.225.550
Cộng	51.327.564.639	1.754.888.311	53.082.452.950
Tại 01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	25.514.647.230	1.754.888.311	27.269.535.541
Chi phí phải trả	2.285.183.109	-	2.285.183.109
Các khoản vay	18.237.393.000	-	18.237.393.000
Cộng	46.037.223.339	1.754.888.311	47.792.111.650

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

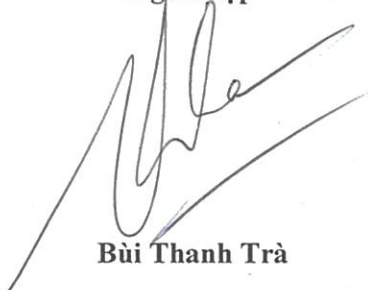
Tại 31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.712.107.310	-	152.712.107.310
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.765.499.215	1.294.495.885	8.059.995.100
Cộng	159.477.606.525	1.294.495.885	160.772.102.410
Tại 01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.170.426.976	-	96.170.426.976
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.140.360.626	1.121.580.581	28.261.941.207
Cộng	123.310.787.602	1.121.580.581	124.432.368.183

6.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Người lập


Bùi Thanh Trà

Kế toán trưởng


Bùi Thị Chiêm

Tổng Giám đốc


Nguyễn Đức Dũng